TÒA ÁN ND TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Án số: 82 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Thúy Kiên**;

*Các Hội thẩm nhân dân:***Ông Trần Quảng Thái;**

Ông Trần Trọng Tú;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thu Hoài-** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:

Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên;

Ngày 20/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 01/3//2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2019/QĐX ST-HNGĐ ngày 02/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44 /2019/ QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Chị Lê Thị H,** sinh năm 1989;

ĐKHK: Xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm, thành phốThái Nguyên;

Nơi ở:Tổ dân phố số 5,Tân Sơn, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt);

+ Bị đơn: **Anh Dương Khắc K**, sinh năm 1987;

ĐKHK và ở: Xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm, thành phốThái Nguyên;

(anh K vắng mặt lần thứ 2- không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện,bản tự khai và các văn bản khác chị Lê Thị H là nguyên đơn trình bày:

Chị H và anh K kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn Chị H về sống cùng gia đình anh K tại xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, to tiếng xúc phạm và xô sát nhau, không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến mọi mặt trong cuộc sống, do đó tháng 8/2014 Chị H đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Nay Chị H xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Ngọc L, sinh ngày 14/5/2012. Do anh K không cho Chị H đón con nên cháu L đang sống cùng anh K và ông bà nội. Hiện Chị H đang làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn HANSOL ELECTRONICS Việt Nam- Khu Công nghiệp Yên Bình, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, thu nhập hơn 10.000.000đồng/tháng. Sau khi ly hôn Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, anh K đi lại thăm nom chăm sóc con chung theo quy định, không yêu cầu Tòa án giaỉ quyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các Văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh K không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Chị H, không tham gia các thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

+Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Trong quá trình tiến hành tố tụng đến trước thời điểm nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng;

+Về nội dung: Xác định yêu cầu của nguyên đơn về nội dung khởi kiện là có cơ sở, đề nghị Hội đồng chấp nhận; Án phí, quyền kháng cáo của các đương sự giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về tố tụng**:

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị H là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Việc anh K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt chị, Hội đồng xét xử cần căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 28; Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chị H và anh K;

[2] Về nội dung:

Chị H đã thực hiện nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện của chị là có căn cứ và hợp pháp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh K kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ các quy định về kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa các đương sự là hợp pháp;

Sau khi kết hôn Chị H và anh K chung sống tại xóm Đồng Xe, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên.Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Tháng 8/2014 Chị H đã thuê nhà ở riêng, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Chính quyền địa phương tại nơi ở của các đương sự cũng xác nhận tình trạng mâu thuẫn của các đương sự như Chị H đã khai nêu trên. Mặt khác, việc anh K không tham gia hòa giải và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giaỉ quyết vụ án, cho thấy anh K không thiện trí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn sự gắn kết, việc duy trì quan hệ hôn nhân không mang lại hạnh phúc. Do đó nên chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn để giải phóng cho cả hai bên, tạo điều kiện cho các đương sự ổn định cuộc sống là phù hợp với thực tế và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về con chung: Quá trình chung sống các đương sự có 01 con chung như nguyên đơn xác định nêu trên. Xét thấy cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chưa thành niên. Việc giao trách nhiệm cho người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Hội đồng xét xử thấy Chị H tha thiết yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, có thu nhập đảm bảo (Chị H có cung cấp các chứng từ về tiền lương). Nguyện vọng của cháu L muốn được ở với mẹ, anh K không có ý kiến gì về vấn đề này, do đó nên giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Như vậy, là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con sau khi cha mẹ ly hôn theo quy định tại Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chị H không yêu cầu giaỉ quyết cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề này.

3.Tài sản và chung nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết (vì Chị H không yêu cầu ;

4. Về án phí: Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, không có giá ngạch, để nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các quy định:

-Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 24 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị H cho Chị H được ly hôn anh Dương Khắc K;

2. Về con chung: Giao cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Dương Ngọc L, sinh ngày 14/5/2012 đến khi tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh K thực hiện quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật; Không giải quyết cấp dưỡng nuôi con (vì Chị H không yêu cầu);

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết (vì Chị H không yêu cầu);

4.Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước (chuyển từ Tiền tạm ứng án phí sang -theo Biên lai thu số 0007368 ngày 01/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên lập).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thúy Kiên